

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/DS-ST.

Ngày: 30-11-2018.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Mai Thị Nhắc.

+ Ông Nguyễn Chí Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Xem - Sinh năm: 1966, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố E, thị trấn G, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản uỷ quyền ngày 16/8/2018, ông P có mặt).

- Bị đơn:

+ Bà Đỗ Thị H - Sinh năm: 1959, địa chỉ: ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Ông Đoàn Văn Đ - Sinh năm: 1954, địa chỉ: ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn là bà Trần Thị X trình bày:

Từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 6 năm 2017, bà có bán thức ăn chăn nuôi gia súc (thức ăn cho heo) cho bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Đ chăn nuôi heo, đến khi xuất chuồng (bán heo) thì bà H, ông Đ sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì phía bà H, ông Đ không thực hiện đúng thỏa thuận nên tháng 7 năm 2017 thì bà X không bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà H, ông Đ nữa.

Vào ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa hai bên mới tính toán và xác định là bà H, ông Đ còn nợ của bà số tiền là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Bà H, ông Đ có hứa sẽ thanh toán hết số nợ này trong thời hạn ba mươi ngày nhưng không thực hiện được. Do vậy, bà X khởi kiện yêu cầu bà H, ông Đ phải liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc còn thiếu là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) và yêu cầu tính tiền lãi đối với số nợ gốc nêu trên kể từ ngày 06/7/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,0%/tháng. Ngoài ra, bà X không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 9 năm 2018, bị đơn là bà Đỗ Thị H, ông Đoàn Văn Đ trình bày: Khoảng tháng 02 âm lịch năm 2017, bà H, ông Đ với bà X có đối chiếu và chốt nợ là ông, bà còn thiếu bà X số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc (thức ăn cho heo) và thức ăn chăn nuôi gia cầm (thức ăn cho gà) là 129.540.000đ (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng). Ông bà không có thỏa thuận sẽ trả hết nợ trong thời hạn ba mươi ngày như bà X trình bày, và giữa hai bên cũng không có thỏa thuận về việc phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thì bà H, ông Đ đồng ý trả cho bà X số tiền còn thiếu là 129.540.000đ (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng), không đồng ý trả tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu bà X không tính tiền lãi.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi, cụ thể: Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) và yêu cầu trả tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2017 cho đến ngày 06 tháng 11 năm 2018 với mức lãi suất là 0,83%/tháng vì giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ.

Bị đơn là bà Đỗ Thị H trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 9 năm 2018 bà có trình bày là bà và ông Đ còn thiếu bà X số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc (thức ăn chăn nuôi heo) và thức ăn chăn nuôi gia cầm (nuôi gà) là 129.540.000đ (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, sau khi xem xét lại các tài liệu, chứng cứ do bà X cung cấp thì tại phiên tòa, bà H thừa nhận là cho đến thời điểm hiện nay thì bà và ông Đ còn thiếu bà X số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc và thức ăn chăn nuôi gia cầm là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Nay bà X khởi kiện thì bà và ông Đ đồng ý trả 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) cho bà X nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng và yêu cầu bà X không tính tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình của bà hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Bị đơn là ông Đoàn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X: Buộc bà H và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số nợ gốc là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) và tiền lãi kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bị đơn là bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Đ cùng có địa chỉ tại ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H, ông Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải

được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, bà H thừa nhận còn nợ bà X tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng), lời trình bày này của bà H phù hợp với lời trình bày của bà X và người đại diện theo ủy quyền của bà X cũng như tài liệu, chứng cứ là tờ giấy nhận nợ của bà H. Do vậy việc bà X yêu cầu bà H, ông Đ liên đới trả 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) nợ gốc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Bà H, ông Đ yêu cầu được trả nợ dần hàng tháng với mức 1.000.000đồng/tháng nhưng phía nguyên đơn không đồng ý, trong khi khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bà H, ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là ông bà được trả nợ dần hàng tháng với mức 1.000.000đồng/tháng nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H, ông Đ.

[5] Về tiền lãi: Khoản nợ 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) nêu trên đã đến hạn trả vào ngày 06 tháng 7 năm 2017, nhưng cho đến nay bà H, ông Đ không có trả được khoản tiền nào cho bà X. Trong khi đó, giữa hai bên không có thỏa thuận về việc trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bà H, ông Đ phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm). Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 130.434.000đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng = 17.321.635,2đồng, lấy tròn số là 17.321.500đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng) tiền lãi.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H, ông Đ phải chịu 7.387.500đ (bảy triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng bà H là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, ông Đ hiện nay đã sáu mươi bốn tuổi, theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi thì ông Đ là người cao tuổi. Bà H, ông Đ có làm đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào các điều 12, 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà H, ông Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm mà ông, bà phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 14, 15 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X: Buộc bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị X số nợ gốc là 130.434.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) và 17.321.500đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng) tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị X có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Đ chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Đ phải liên đới chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho bà Trần Thị X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.652.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0018800 ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2) Bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Trần Thị X, bà Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng ông Đoàn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên